TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hòa Minh; ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Tân Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2017, về "Tranh chấp ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1994; cư trú tại Nhật Bản; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gồm:

+ Anh Lê Văn V, sinh năm 1986; cư trú tại: Số V1, đường số V2, tổ V3, khu phố V4, phường V5, quận V6, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 11-3-2017; có mặt;

+ Anh Trần Trọng Q, sinh năm 1990; cư trú tại: Số Q1, đường số Q2, phường Q3, quận Q4, Thành phố Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 11-3-2017; yêu cầu xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Lê Trung V, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ V1, ấp V2, xã V3, huyện V4, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Kim L, sinh năm 1965; cư trú tại: Tổ V1, ấp V2, xã V3, huyện V4, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Chị và anh Lê Trung V kết hôn vào năm 2012, có giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung tại Nhật Bản, đến cuối năm 2013, anh V bị trục xuất về Việt Nam, vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Chị và anh V không có con chung, tài sản chung và không nợ ai.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu T – anh Trần Trọng Q: Yêu cầu xét xử vắng mặt, không trình bày ý kiến, không yêu cầu gì.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu T – anh Lê Văn V trình bày:

Anh được chị T ủy quyền tham gia tố tụng về tài sản và nợ do có tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh V và cha ruột anh V là ông Lê Kim L khai chị T và anh V nợ ông L 300.000.000 đồng, yêu cầu chị T cùng trả; anh V khai chị của chị T là Nguyễn Thị H vay của anh V 700.000.000 đồng yêu cầu chị T và chị H cùng trả. Chị T xác định không nợ ông L khoản tiền nào, nếu có nợ là do anh V nợ trước khi kết hôn, không liên quan đến chị T. Việc anh V khai chị H nợ anh V 700.000.000 đồng là không có, yêu cầu chị T cùng trả là vô lý.

Trước khi Tòa án xét xử sơ thẩm, anh V và ông L đã rút yêu cầu đối với 02 khoản tiền nêu trên, chị T chấp nhận việc rút yêu cầu của họ, không tranh chấp, không yêu cầu gì khác.

Bị đơn – anh Lê Trung V trình bày:

Anh không chấp nhận ly hôn theo yêu cầu chị T; anh và chị T không có con chung và tài sản chung.

Về nợ:

- Trong quá trình hòa giải, đối chất anh đã khai: Anh và chị T nợ cha anh là ông Lê Kim L số tiền 300.000.000 đồng, yêu cầu chị T phải trả 150.000.000 đồng. Chị của chị T là Nguyễn Thị H nợ anh số tiền 700.000.000 đồng, anh cho vay là do chị T yêu cầu nên chị H và chị T phải cùng trả.

- Ngày 27 tháng 7 năm 2017, anh V đã nộp đơn xin rút lại yêu cầu, cụ thể như sau: Anh chấp nhận ly hôn với chị T. Do ông Lê Kim L đã rút yêu cầu đòi số tiền 300.000.000 đồng nên anh xác định 300.000.000 đồng ông L cho vay là do chị T sử dụng riêng, là nợ riêng của chị T đối với ông L, anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh và chị T không có nợ chung. Số tiền

chị H nợ là nợ riêng của anh, không liên quan đến chị T, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Kim L trình bày:

Ông là cha ruột của anh V, trong quá trình giải quyết vụ án ông có yêu cầu anh V, chị T trả cho ông 300.000.000 đồng tiền vay nhưng không có chứng cứ chứng minh, chị T không thừa nhận nên vào ngày 05 tháng 7 năm 2017 ông đã nộp đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền 300.000.000 đồng nêu trên, không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án này.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T, cho chị T ly hôn với anh Lê Trung V. Về con chung, tài sản chung không có nên không đặt ra giải quyết. Về nợ, ông L và anh V có nại ra nhưng không yêu cầu nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Trung V, ông Lê Kim L yêu cầu xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T về việc xin ly hôn với anh Lê Trung V, thấy rằng: Hôn nhân giữa chị T và anh V là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, nhưng giữa chị T và anh V đã xảy ra mâu thuẫn, ly thân từ năm 2013 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy giữa chị T và anh V chưa thỏa thuận với nhau về việc thuận tình ly hôn nhưng tại "Đơn xin rút lại yêu cầu" ghi ngày 24-7-2017, anh V chấp nhận ly hôn với chị T.

[3] Về con chung, tài sản chung: Chị T và anh V khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Kim L và anh V có nại ra khoản nợ chung là chị T, anh V nợ ông L 300.000.000 đồng; anh V khai chị Nguyễn Thị H (chị ruột chị T) nợ riêng của anh V 700.000.000 đồng, yêu cầu chị T và chị H cùng trả nhưng ông L, anh V không có đơn yêu cầu và không nộp tiền tạm ứng án phí, sau đó ông L và anh V đã rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, ghi nhận về nợ không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ.

[6] Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, về Án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T đối với anh Lê Trung V.

2. Cho chị Nguyễn Thị Thu T ly hôn với anh Lê Trung V.

3. Con chung, tài sản chung: Chị T và anh V khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận ông Lê Kim L không yêu cầu giải quyết số nợ 300.000.000 đồng đối với chị Nguyễn Thị Thu T, anh Lê Trung V.

Ghi nhận anh Lê Trung V không yêu cầu giải quyết số nợ 700.000.000 đồng đối với chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị H.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0000124 ngày 06 tháng 3 năm 2017, của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

6. Các đương sự trong vụ án được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo thời hạn như sau:

- Chị Nguyễn Thị Thu T được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

- Anh Lê Trung V, ông Lê Kim L được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh TN;
- Cục THADS tỉnh TN;
- Phòng KTNV&THA. TAT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSST.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Đồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hòa Minh **Lê Thanh Tâm** **Đặng Thị Đồng**